BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN XIN XÉT TỐT NGHIỆP

Xét tốt nghiệp tháng 01.2021

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCTK _10	TBC TL	Xếp loại TN	Chưa đủ điều kiện xét TN do thiếu
SV CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT: PHẢI CÓ ĐIỂM TRƯỚC 16H30 NGÀY 27/1/2021, SAU THỜI GIAN TRÊN SẼ HỦY TƯ CÁCH XÉT TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 1/2021												
1	15011721	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	14/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHHO11ATT	139	6,40	2,33		Chứng chỉ Tin học
2	15060701	Trần Thành	Công	22/10/1997	Tỉnh Vĩnh Long	Nam	DHHO11D	125	7,10	2,82		Chứng chỉ TOEIC 400
3	16070901	Huỳnh Phước	Trung	12/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHHO12BTT	139	6,50	2,42		Anh văn 4
SV ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT TỐT NGHIỆP: KIỂM TRA LẠI THÔNG TIN CÁ NHÂN - PHẢN HỒI SAI SÓT TRƯỚC NGÀY 29/1/2021 ĐỂ TRƯỜNG IN BẰNG TỐT NGHIỆP SAU NÀY												
1	17091761	Trần Thị Thanh	Phước	04/02/1999	Tỉnh Bình Thuận	Nữ	CDHO18A	68	7,50	3,08	Khá	
2	14106721	Lê Ngọc Oanh	Thi	23/03/1996	Tỉnh Bến Tre	Nữ	DHHO10ATT	139	7,00	2,73	Khá	
3	14084311	Nguyễn Văn	Nhiều	23/01/1996	Tỉnh Quảng Ngãi	Nam	DHHO10C	129	6,00	2,09	Trung bình	
4	14123121	Nguyễn Viên Minh	Trung	18/07/1996	Tỉnh Tiền Giang	Nam	DHHO10D	129	6,10	2,17	Trung bình	
5	15017731	Nguyễn Thị Châu	Giang	13/08/1997	Tỉnh Quảng Bình	Nữ	DHHO11A	125	7,00	2,68	Khá	
6	15022871	Nguyễn Ngọc	Kha	06/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHHO11A	125	7,50	3,03	Khá	
7	15019841	Lê Thục	Nghi	13/07/1997	Tỉnh Trà Vinh	Nữ	DHHO11A	125	6,90	2,68	Khá	
8	15029881	Đỗ Minh	Thảo	16/09/1997	Tỉnh Đồng Nai	Nam	DHHO11A	125	6,50	2,44	Trung bình	
9	15011171	Trần Anh	Quốc	12/03/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHHO11ATT	139	6,20	2,24	Trung bình	
10	15013481	Nguyễn Nhật	Tân	28/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHHO11ATT	139	6,90	2,70	Khá	
11	15011601	Phạm Lý Kim	Thuỷ	29/05/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHHO11ATT	139	6,30	2,31	Trung bình	
12	15037821	Nguyễn Ngọc	Tuấn	09/12/1997	Tỉnh Nghệ An	Nam	DHHO11B	125	6,60	2,44	Trung bình	
13	15071791	Võ Trọng	Tâm	07/05/1994	Tỉnh Bình Thuận	Nam	DHHO11C	125	6,70	2,50	Khá	
14	15073701	Lăng Cẩm	Thu	12/08/1997	Tỉnh An Giang	Nữ	DHHO11C	125	6,90	2,74	Khá	
15	15106041	Nguyễn Tấn	Phát	30/08/1997	Tỉnh Tây Ninh	Nam	DHHO11CTT	139	6,70	2,53	Khá	
16	15105521	Nguyễn Thiện	Thuần	07/10/1997	Tỉnh Long An	Nam	DHHO11CTT	139	6,20	2,23	Trung bình	
17	15048741	Châu Minh	Khang	09/10/1996	Tỉnh Bạc Liêu	Nam	DHHO11D	125	6,20	2,24	Trung bình	
18	15078781	Trần Thị Hồng	Loan	04/12/1997	Tỉnh Phú Yên	Nữ	DHHO11D	125	7,10	2,82	Khá	
19	15105421	Nguyễn Hữu	Hạnh	28/11/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHHO11DTT	139	6,80	2,59	Khá	

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Phái	Lớp học	STC TL	TBCTK _10	TBC TL	Xếp loại TN	Chưa đủ điều kiện xét TN do thiếu
20	15092941	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/06/1997	Tỉnh Bình Định	Nữ	DHHO11E	125	7,30	2,93	Khá	
21	15095401	Nguyễn Trần	Tình	04/09/1997	Tỉnh Bình Định	Nam	DHHO11E	125	6,30	2,30	Trung bình	
22	15092821	Trần Như	ý	02/04/1997	Tỉnh Quảng Ngãi	Nam	DHHO11E	125	6,90	2,69	Khá	
23	16016351	Ngô Thị Thanh	Thanh	02/10/1998	Tỉnh Long An	Nữ	DHHO12A	125	6,70	2,51	Khá	
24	16059161	Đặng Thái	Hưng	26/07/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHHO12BTT	139	6,60	2,49	Trung bình	
25	16066301	Lê Quyền	Lâm	28/06/1998	Tỉnh An Giang	Nam	DHHO12BTT	139	6,50	2,44	Trung bình	
26	16022671	Trần Mỹ	Linh	05/05/1997	Tỉnh Long An	Nữ	DHHO12BTT	139	6,60	2,51	Khá	
27	16055741	Nguyễn Thanh	Thư	13/02/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHHO12BTT	139	6,60	2,48	Trung bình	
28	16035171	Lê Văn	Chinh	22/08/1998	Tỉnh Lâm Đồng	Nam	DHHO12C	125	6,60	2,51	Khá	
29	16049451	Vương Hải	Đăng	07/01/1998	Tỉnh Bến Tre	Nam	DHHO12D	125	7,20	2,87	Khá	
30	16072891	Mai Xuân	Hoài	25/03/1998	Tỉnh Thanh Hóa	Nam	DHHO12D	125	6,70	2,54	Khá	
31	16069181	Nguyễn Thị	Nhanh	30/07/1998	Tỉnh Hải Dương	Nữ	DHHO12D	125	7,30	2,99	Khá	
32	16039811	Nguyễn Thị Trúc	Quỳnh	18/05/1998	Tỉnh Gia Lai	Nữ	DHHO12D	125	6,90	2,72	Khá	
33	16043061	Thạch Sóc Sú	Rinh	09/10/1998	Tỉnh Trà Vinh	Nam	DHHO12D	125	7,10	2,84	Khá	
34	15056691	Võ Trần Trân	Ly	13/07/1997	Tỉnh Khánh Hòa	Nữ	DHPT11A	129	7,00	2,77	Khá	
35	15091621	Phùng An	Nhi	26/10/1997	Tỉnh Đồng Nai	Nữ	DHPT11A	129	6,70	2,60	Khá	
36	16077341	Trương Thị Minh	Kha	02/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHPT12A	129	7,10	2,81	Khá	
37	16017561	Nguyễn Trần Yến	Nhi	02/01/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Nữ	DHPT12A	129	7,00	2,68	Khá	
38	16033171	Nguyễn Đình Duy	Tân	05/01/1998	Tỉnh Long An	Nam	DHPT12A	129	6,80	2,62	Khá	
39	19534201	Hoàng Nữ Tú	Anh	28/02/1987	Tỉnh Thừa Thiên Huế	Nữ	DHHO15AVL					Đợi điểm HK1 (2020-2021)
40	19534021	Lê Văn	Cam	26/08/1994	Tỉnh Long An	Nam	DHHO15AVL					Đợi điểm HK1 (2020-2021)
41	19534071	Lưu Đức	Hiển	26/07/1992	Thành phố Hồ Chí Minh	Nam	DHHO15AVL					Đợi điểm HK1 (2020-2021)
42	19534811	Phạm Văn	Mùi	26/12/1991	Tỉnh Ninh Bình	Nam	DHHO15AVL					Đợi điểm HK1 (2020-2021)
43	19535981	Huỳnh Bích	Ngà	17/01/1992	Tỉnh Bình Thuận	Nữ	DHHO15AVL					Đợi điểm HK1 (2020-2021)
44	19535331	Trương Phan Tấn	Sang	24/10/1994	Tỉnh Đồng Tháp	Nam	DHHO15AVL					Đợi điểm HK1 (2020-2021)

Tổng cộng: **47**

TP.HCM, ngày 26 tháng 01 năm 2021